

Bản án số: 263/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2021

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Nguyễn Tấn Thúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2021/TLST – HNGĐ ngày 15/3/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Kim Q**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: 48 đường P, tổ 25, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký thường trú: 48 đường P, tổ 25, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2021 và bản tự khai ngày 02/8/2021 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Phan Thị Kim Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn P kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn và không hàn gắn được, vợ chồng bà không thể tiếp tục sống chung với nhau. Do đó, bà Phan Thị Kim Q đề nghị Tòa án giải cho bà được ly hôn với ông Lê Văn P.

-*Về con chung*: Bà Q xác định vợ chồng bà có 02 con chung gồm: cháu Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009. Ly hôn bà Q có nguyện vọng giao 02 con chung Lê Văn Phúc B và Lê Văn Bảo Đ cho ông Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng/ 01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn, cấp dưỡng vào ngày 02 hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Kim Q xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn P trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn P xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà Phan Thị Kim Q trình bày nêu trên là đúng. Quá trình chung sống, đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, từ tháng 10/2020 đến nay thì vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau, bà Q đã về quê tại tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn được, do đó ông P đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà Q.

-*Về con chung*: Ông Lê Văn P thống nhất với trình bày của bà Phan Thị Kim Q xác định vợ chồng ông có 02 con chung gồm: cháu Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009. Ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Văn Phúc B và Lê Văn Bảo Đ cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Ông yêu cầu bà Phan Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con chung chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng/ 01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

-*Về tài sản chung*: Ông Lê Văn P xác định không có nên không đề nghị giải quyết.

-*Về nợ chung*: Ông Lê Văn P xác định không có nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” bị đơn là ông Lê Văn P có nơi cư trú tại: 48 đường P, tổ 25,

phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Kim Q vắng mặt nhưng bà Quyên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Phan Thị Kim Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim Q và ông Lê Văn P kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng ông P, bà Q phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn được bà Q, ông P xác định là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Từ tháng 10/2020 cho đến nay bà Q, ông P đã sống ly thân với nhau, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Bị đơn ông Lê Văn P cũng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà Q.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phan Thị Kim Q, ông Lê Văn P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích Hôn nhân không đạt được, quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn cũng đã thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Q, xử cho bà Quyên được ly hôn với ông Lê Văn P.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ly hôn bà Phan Thị Kim Q có nguyện vọng giao 02 con chung Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009 cho ông Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng/ 01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng tính từ khi Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 02 hàng tháng. Ông Lê Văn P cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi để các con có điều kiện học tập, sinh hoạt tốt hơn. Đồng thời ông yêu cầu bà Phan Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng/ 01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Kim Q về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung được bị đơn ông Lê Văn P đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của cháu B, cháu Đ. Mặt khác từ khi bà Q, ông P sống ly thân đến nay cháu B, cháu Đ ở với ông P. Hiện nay ông P có việc làm, có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến trình bày của bị đơn, giao 02 con chung Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009 cho ông Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Buộc bà Phan Thị Kim Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009, mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng/ 01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 02 hàng tháng.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Kim Q và ông Lê Văn P thống nhất xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Q đối với ông Lê Văn P về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Phan Thị Kim Q được ly hôn với ông Lê Văn Phúc.

2.2 Về con chung: Giao 02 con chung gồm: cháu Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009 cho ông Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Buộc bà Phan Thị Kim Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Văn Phúc B, sinh ngày 07/11/2007 và cháu Lê Văn Bảo Đ, sinh ngày 31/03/2009 mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 02 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì họ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3 Về tài sản chung: Bà Phan Thị Kim Q và ông Lê Văn P thống nhất xác định không có nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà Phan Thị Kim Q và ông Lê Văn P thống nhất xác định không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0008709 ngày 12/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Còn lại bà Q phải nộp là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Thọ Đông,
Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
(GCNKH số: 48, quyển số 01/2007
Ngày 07/6/2007);
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường